TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 /9/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mười;

Ông Mai Hồ Hải Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký TAND quận S, thành phố Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2018 về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 4/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22 ngày 17/9/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Mai Thị H, sinh năm 1984, trú tại: Tổ 8 Nhị Dinh I, xã Đ, Huyện Đ, tỉnh Q. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Duy H, sinh năm 1977. Trú tại: Tổ 11, phường T, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 14/5/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông H có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 09; Quyển số 01/2009 do UBND phường T, quận S, Tp. Đ cấp ngày 19.01.2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắng nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không

thành. Tôi và ông H đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, tôi cùng hai con về quê tôi sống tại thôn Nhị Dinh I, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q, ông H sống tại tổ 11, phường T, quận S, thành phố Đ, không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Nay, tôi xác định không còn tình cảm với ông H nữa, đề nghị Tòa án cho chúng tôi được ly hôn.

- Về nuôi con chung: Tôi xác định tôi và ông Trần Duy H có 02 người con chung, tên là: Trần Mai Bảo N - sinh ngày 30.11.2009, Trần Mai Bảo N - sinh ngày 11.01.2012. Nếu ly hôn nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi 02 con Trần Mai Bảo N và Trần Mai Bảo N cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu ông Trần Duy H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông Trần Duy H không có nợ chung.

***** *Đối với bị đơn ông Trần Duy H mặc dù đã được Tòa án đã giao, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, đây là lần thứ hai Tòa án mở lại nhưng ông H đều vắng mặt, nhưng tại bản tự khai cũng như các buổi hòa giải và giao nộp chứng cứ ông H khai:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với bà Mai Thị H.

Tôi thống nhất như lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau nên hay cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắng nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay, vợ tôi là bà Mai Thị H yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý.

- Về nuôi con chung: Tôi xác định tôi và bà Mai Thị H có 02 người con chung tên là: Trần Mai Bảo N - sinh ngày 30.11.2009, Trần Mai Bảo N - sinh ngày 11.01.2012. Ly hôn, tôi không đồng ý giao 02 con chung cho bà Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Mai Bảo N và giao con Trần Mai Bảo N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung là: Vợ chồng có một tài sản chung là quyền sử dụng đất tại địa chỉ: tổ 08, thôn Nhị Dinh I, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được quyền sử dụng đối với tài sản chung này. Tòa án đã yêu cầu Tôi cung cấp chứng cứ bổ sung cho yêu cầu này của tôi, tuy nhiên, tại phiên hòa giải tôi chưa cung cấp chứng cứ đầy đủ bổ sung cho yêu cầu này của tôi.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Mai Thị H không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật; riêng bị đơn ông Trần Duy H mặc dù có mặt tại các phiên hòa giải nhưng không có mặt tại các phiên tòa, vì vậy ông H không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy

đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị H về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung đối với ông Trần Duy H xử bà Mai Thị H được ly hôn với ông Trần Duy H. Về nuôi con chung: giao hai con chung tên là: Trần Mai Bảo N - sinh ngày 30.11.2009, Trần Mai Bảo N - sinh ngày 11.01.2012 cho bà Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung: trong quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai, ông H và bà H đều xác nhận không có nợ chung nên không đề cập đến. Về tài sản chung: Về phía ông H: Ông Trần Duy H xác định Vợ chồng ông có miếng đất tại: Tổ 8, thôn Nhị Dinh I – xã Đ, tỉnh Q. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền sử dụng đối với tài sản chung này. Bà H phải ủy quyền công chứng quyết định đối với tài sản này trước khi ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Tòa án đã yêu cầu ông cung cấp chứng cứ bổ sung cho yêu cầu này của ông. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, ông H vẫn chưa cung cấp chứng được cứ để chứng minh cho yêu cầu này. Do đó yêu cầu chia tài sản chung của ông H, Tòa án không có cơ sở để xem xét giải quyết. Sau này ông H có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Về nợ chung: cả ông H và bà H đều xác định vợ chồng không có, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Mai Thị H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Duy H Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Duy H.

[2] **Về nội dung:** Bà Mai Thị H và ông Trần Duy H đăng có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 09; Quyển số 01/2009 do UBND phường T, quận S, Tp. Đ cấp ngày 19.01.2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Mai Thị H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Mai Thị H và ông Trần Duy H lại không làm được điều này. Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của Mai Thị H và ông Trần Duy H thì đã được chính quyền địa phương cung cấp và xác định mẫu thuẫn của vợ chồng ông H bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng ông H và bà H đã sống ly thân, bà H đang sống tại tổ 8 Nhị Dinh I, xã Đ, Huyện Đ, tỉnh Q. Ông H sống tại Tổ 11, phường T, quận S, thành phố Đ. Ông Trần Duy H và bà Mai Thị H, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở

về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông H và bà H không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình và thống nhất ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Hvà ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị H đối với Trần Duy H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà Mai Thị H và ông Trần Duy H xác có 02 người con chung, tên là: Trần Mai Bảo N - sinh ngày 30.11.2009, Trần Mai Bảo N - sinh ngày 11.01.2012. Tại Phiên Tòa và trong quá trình giải quyết vụ án bà Mai Thị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H có nguyện vọng nuôi cháu Trần Mai Bảo N.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của bà Mai Thị H thì thấy:

Qua xác minh, chính quyền địa phương xác nhận hiện nay hai cháu Trần Mai Bảo N và cháu Trần Mai Bảo N đang ở với bà H từ năm 2014 cho đến nay, các cháu đang học tập ổn định. Theo nguyện vọng của cháu Bảo Nthì cháu Bảo N muốn ở với mẹ, cháu Bảo N còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc giáo dục của mẹ. Ông H làm nghề lái xe thường xuyên vắng mặt. Nên HĐXX xét thấy cần giao hai con Trần Trần Mai Bảo N và Trần Mai Bảo N cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến các khi con đủ 18 tuổi. Ông Trần Duy H không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà Mai Thị H là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình gải quyết bà Hkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng về phía ông H: Ông Trần Duy H xác định Vợ chồng ông có miếng đất tại: Tổ 8, thôn Nhị Dinh I – xã Đ, tỉnh Q. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền sử dụng đối với tài sản chung này. Bà H phải ủy quyền công chứng quyết định đối với tài sản này trước khi ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Tòa án đã yêu cầu ông H cung cấp chứng cứ bổ sung cho yêu cầu này của ông. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, ông H vẫn chưa cung cấp chứng được cứ để chứng minh cho yêu cầu này. Do đó yêu cầu chia tài sản chung của ông H, Tòa án không có cơ sở để xem xét giải quyết. Sau này ông H có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Về nợ chung: cả ông H và bà H đều xác định vợ chồng không có, nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Bà Mai Thị H và ông Trần Duy H xác nhận không có nợ chung.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Mai Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; 81; 82 và 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của bà Mai Thị H đối với ông Trần Duy H.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị H được ly hôn ông Trần Duy H.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị H đối với ông Trần Duy H nên giấy chứng nhận kết hôn số 09; Quyển số 01/2009 do UBND phường T, quận S, Tp. Đ cấp ngày 19.01.2009 cho bà Mai Thị H và ông Trần Duy H không còn giá trị pháp lý.

[2]. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Trần Mai Bảo N - sinh ngày 30.11.2009, Trần Mai Bảo N - sinh ngày 11.01.2012 cho bà Mai Thị H trực tiếp nuôn dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi vì cần thiết lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: Trong quá trình gải quyết bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng về phía ông H: Ông Trần Duy H xác định Vợ chồng ông có miếng đất tại: Tổ 8, thôn Nhị Dinh I – xã Đ, tỉnh Q. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền sử dụng đối với tài sản chung này.

Tòa án đã yêu cầu ông cung cấp chứng cứ bổ sung cho yêu cầu này của ông. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, ông H vẫn chưa cung cấp chứng được cứ để chứng minh cho yêu cầu này. Do đó yêu cầu chia tài sản chung của ông H, Tòa án không có cơ sở để xem xét giải quyết. Sau này ông H có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về nợ chung: Bà Mai Thị H và ông Trần Duy H xác nhận không có nợ chung.

[5] Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Mai Thị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 008728 ngày 18.5.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ. Bà Mai Thị H đã nộp đủ án phí.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải

thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND q. S,Tp Đ;*
- *Chi cục THADS q. S, tp Đ;*
- *UBND p.T,q.S, tp Đ;*
- *Lưu hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG